TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/DS-PT
Ngày: 28 - 4 - 2020
V/v tranh chấp dân sự do vi phạm hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hữu Nhân

Các Thẩm phán: Ông Đặng Ngọc Bình

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2020/TLPT-DS ngày 07 tháng 02 năm 2020 về việc *"Tranh chấp dân sự do vi phạm hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 42/2020/QĐ-PT ngày 04/3/2020; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 87/2020/QĐ-PT ngày 26/3/2020; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 98/2020/QĐ-PT ngày 23/4/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Nga, sinh năm: 1966; địa chỉ: 210 khu phố Q, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh L. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Tuấn, sinh năm: 1970; bà Hoàng Thị Minh Châu, sinh năm: 1972; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L. Ông Tuấn vắng mặt; bà Châu có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Tuấn, bà Châu:

Ông Dương Đình Nam, sinh năm: 1974; địa chỉ: 06 N, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L. Có mặt.

Văn bản ủy quyền ngày 20/4/2020.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Bà Nguyễn Thị Lệ, sinh năm: 1969; địa chỉ: 210 khu phố Q, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh L. Có mặt.

2/. Anh Lương Thiện Khiêm, sinh năm: 1994; địa chỉ: Khu phố H, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh L. Có mặt.

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Văn Nga - Nguyên đơn;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Tại đơn khởi kiện ngày 01/3/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Nga trình bày:

Ngày 26/01/2015, vợ chồng ông có cho ông Tuấn, bà Châu vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm, lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận là 20%/năm. Khi vay hai bên có viết giấy tay với nhau, đồng thời ông Tuấn, bà Châu có thế chấp cho ông 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA062453 cấp ngày 12/4/2010 do ông Tuấn, bà Châu đứng tên. Khi đến hạn ông Tuấn, bà Châu không trả cho ông số tiền gốc và lãi.

Ngày 18/5/2016, ông tiếp tục cho ông Tuấn, bà Châu vay thêm số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất 20%/năm.

Tổng cộng số tiền ông Tuấn, bà Châu vay của ông hai lần là 250.000.000 đồng.

Cuối năm 2016, ông Tuấn, bà Châu có trả cho ông số tiền lãi 20%/năm trên tổng số tiền gốc đã vay là khoảng hơn 20.000.000 đồng. Ngoài số tiền trên thì ông Tuấn, bà Châu không trả cho ông khoản tiền nào nữa. Việc bà Châu cho rằng bà Châu mang số tiền 70.000.000 đồng đưa cho ông Khiêm là cháu của ông để nhờ ông Khiêm trả cho ông khoản tiền vay thì ông xác định không có việc này.

Nay ông khởi kiện yêu cầu ông Tuấn, bà Châu phải trả cho ông số tiền gốc 250.000.000 đồng và khoản tiền lãi theo mức 20%/năm tính từ tháng 1/2017 đến nay.

Đối với việc ông Tuấn, bà Châu yêu cầu phản tố buộc ông phải trả khoản tiền mua bán cà phê 170.000.000 đồng thì ông thừa nhận ông có mua cà phê của ông Tuấn, bà Châu nhưng đến nay ông không còn nợ gì đối với việc mua bán cà phê đối với ông Tuấn, bà Châu nên ông không đồng ý đối với yêu cầu phản tố của ông Tuấn, bà Châu.

Tại đơn khởi kiện phản tố ngày 12/3/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Hoàng Thị Minh Châu trình bày:

Việc bà vay tiền của ông Nga là có, nhưng thực tế vợ chồng bà chỉ vay của ông Nga 100.000.000 đồng, lãi suất vay 3%/tháng, thời hạn vay là 01 năm, còn khoản tiền 150.000.000 đồng thực tế thì bà không vay mà đây là khoản tiền gốc lãi từ khoản tiền vay 100.000.000 đồng vào ngày 26/01/2015, do đến hạn trả nợ

nhưng bà không có tiền trả nên ngày 18/5/2016 ông Nga, bà Lệ có gọi bà ra nhà để tính toán khoản nợ vay, theo đó bà Lệ tính cụ thể như sau: 100.000.000 đồng x 3%/tháng x 12 tháng = 36.000.000 đồng.

Cộng cả gốc và lãi thành 136.000.000 đồng, tính tiếp khoản lãi từ ngày 26/01/2016 đến ngày 18/5/2016 là 136.000.000 đồng x 3%/tháng x 3,5 tháng = 14.280.000 đồng.

Tổng cả gốc và lãi là 150.200.000 đồng. Sau đó, ông Nga, bà Lệ viết thành giấy vay nợ 150.000.000 đồng và yêu cầu bà ký vào giấy vay nợ mới.

Giấy vay nợ này ông Tuấn hoàn toàn không được biết, chữ ký Tuấn trên giấy vay nợ là do bà tự ký tên ông Tuấn.

Do sơ xuất, nên bà không lấy lại giấy vay nợ cũ.

Sau khi viết giấy vay nợ vào ngày 18/5/2016 thì khoảng tháng 5/2017 bà có đến nhà ông Nga, bà Lệ trả nợ vay 70.000.000 đồng nhưng do ông nga, bà Lệ không có mặt ở nhà, bà có gọi điện thoại báo cho bà Lệ biết, đồng thời bà Lệ yêu cầu bà giao 70.000.000 đồng cho ông Khiêm, do tin tưởng nên bà không yêu cầu ông Khiêm viết giấy biên nhận mà bà chỉ ghi lại vào sổ nợ của bà để nhớ.

Tháng 11/2016, bà có bán cho ông Nga, bà Lệ 20 tấn cà phê, quy ra thành tiền là 865.000.000 đồng, ông Nga, bà Lệ đã trả cho bà được 691.000.000 đồng, còn lại 174.000.000 đồng đến ngày 21/12/2016 ông Nga yêu cầu cấn trừ vào khoản tiền nợ gốc và lãi mà bà vay của ông Nga. Do đó, bà có ghi vào sổ ông Nga là đã nhận đủ số tiền.

Tính đến nay bà chỉ còn nợ ông Nga, bà Lệ 31.400.000 đồng nên bà chỉ đồng ý trả cho ông Nga, bà Lệ số tiền 31.400.000 đồng. Trường hợp ông Nga khởi kiện yêu cầu bà trả 250.000.000 đồng thì bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nga, bà Lệ trả cho bà số tiền mua bán cà phê còn thiếu là 174.000.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Tuấn trình bày:

Vợ chồng ông có vay của ông Nga, bà Lệ 100.000.000 đồng như lời trình bày của bà Châu là đúng. Còn khoản nợ 150.000.000 đồng thì ông không vay, ông cũng không ký vào giấy vay tiền này. Ông thống nhất với lời trình bày của bà Châu về quá trình trả nợ, bán cà phê cho ông Nga, bà Lệ. Ông không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Nga.

Buộc ông Nguyễn Văn Tuấn, bà Hoàng Thị Minh Châu phải trả cho ông Nguyễn Văn Nga số tiền nợ gốc 74.950.000 đồng và tiền lãi là 15.833.000 đồng. Cộng chung cả gốc và lãi là 90.783.000 đồng.

Bác yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn Tuấn, bà Hoàng Thị Minh Châu về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Nga phải trả 174.000.000 đồng.

Ngoài ra quyết định của bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 25/10/2019, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Nga kháng cáo đối với toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông. Ông Nga yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nga; buộc ông Tuấn, bà Châu phải trả cho ông Nga số tiền 250.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nga vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị chấp nhận kháng cáo. Về phía bị đơn ông Tuấn, bà Châu (do ông Nam là người đại diện theo ủy quyền) không kháng cáo và không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nga, đề nghị giải quyết như bản án sơ thẩm. Về phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lệ, anh Khiêm không kháng cáo và đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, cụ thể Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa dân sự phúc thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nga; sửa bản án dân sự sơ thẩm về phần quyết định tuyên đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nga không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xuất phát từ việc nguyên đơn ông Nga cho rằng ông có cho ông Tuấn, bà Châu vay 250.000.000 đồng, có viết giấy vay tiền, nay ông khởi kiện yêu cầu ông Tuấn, bà Châu phải trả số nợ gốc 250.000.000 đồng và lãi suất 20%/năm tính từ tháng 01/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Ngoài ra, ông Nga còn xác định giữa ông và ông Tuấn, bà Châu có quan hệ mua bán cà phê với nhau, các khoản mua bán cà phê đã được hai bên thực hiện xong, ông không nợ gì đối với các khoản mua bán cà phê nên ông không đồng ý đối với yêu cầu phản tố của bà Châu về việc buộc ông phải trả khoản tiền mua bán cà phê 174.000.000 đồng. Còn bị đơn ông Tuấn, bà Châu xác định ông bà chỉ nợ ông Nga 100.000.000 đồng, đối với giấy vay tiền 150.000.000 đồng là do ông Nga tính lãi nhập vào số tiền nợ gốc nên viết thành giấy vay tiền 150.000.000 đồng, ông bà đã trả cho ông Nga 70.000.000 đồng nên nay ông bà chỉ đồng ý trả cho ông Nga 31.400.000 đồng, ngoài ra ông bà yêu cầu ông Nga phải trả cho ông bà tiền mua bán cà phê còn thiếu là 174.000.000 đồng. Vì vậy, hai bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" là

thiếu sót, vì ngoài quan hệ vay tài sản thì hai bên còn có quan hệ mua bán cà phê với nhau nên Tòa án cấp phúc thẩm cần xác định bổ sung quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và mua bán tài sản*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Tuấn, bà Châu về việc yêu cầu ông Nga phải trả số tiền mua bán cà phê là 174.000.000 đồng thì theo Giấy chốt cà phê (bút lục số 15-16) thể hiện: Giữa ông Tuấn, bà Châu và ông Nga có mua bán chốt cà phê với nhau, có ứng tiền, có nhận tiền, ngày 24/5/2017, đã tính xong sổ với Châu. Dòng chữ Châu nhận đủ 21/12/2016 tại dòng 174.000.000 đồng thì bà Châu thừa nhận là chữ của bà Châu nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Tuấn, bà Châu là có căn cứ, đồng thời, sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nga:

Theo Giấy vay tiền (bút lục số 18) thể hiện: Ngày 26/01/2015, ông Tuấn, bà Châu vay của ông Nga, bà Lệ 100.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 26/01/2015, thời hạn trả ngày 26/01/2016. Có chữ ký xác nhận của ông Tuấn, bà Châu. Ông Nga có nhận một sổ hồng số BA062453.

Theo Giấy vay tiền (bút lục số 17) thể hiện: Ngày 18/5/2016, ông Tuấn, bà Châu vay của ông Nga, bà Lệ 150.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 18/5/2016, thời hạn trả ngày 18/5/2017. Có chữ ký xác nhận của ông Tuấn, bà Châu. Phần chữ ký của ông Tuấn là do bà Châu ký thay. Ông Nga có nhận một sổ hồng số BA062453.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA062453, ông Tuấn, bà Châu được Ủy ban nhân dân huyện Đam Rông cấp diện tích đất 1.376m^2 thuộc thửa đất số 1003, tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại thôn Đạ K'Nàng, xã Đạ K'Nàng, huyện Đam Rông vào ngày 12/4/2010 (bút lục số 10-11). Cả hai giấy vay tiền nêu trên thì ông Tuấn, bà Nga cùng thế chấp một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA062453.

Bà Châu cho rằng, bà chỉ nợ ông Nga 100.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 26/01/2015, còn bà không nợ ông Nga 150.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 18/5/2016. Nguyên nhân có giấy vay tiền ngày 18/5/2016 là do ông Nga tính lãi đối với số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng từ ngày 26/01/2015 đến ngày 18/5/2016 với mức lãi 3%/tháng nên số tiền lãi là 50.280.000 đồng, cộng cả gốc và lãi thành 150.200.000 đồng nên ông Nga viết lại giấy vay tiền mới và yêu cầu bà ký vào giấy vay tiền mới, do sơ xuất nên bà không lấy lại giấy vay tiền cũ, trong quá trình vay bà có trả cho ông Nga 70.000.000 đồng, việc trả số tiền này bà xác định bà đưa cho anh Khiêm là cháu của bà Lệ nhận giúp nhưng do tin tưởng nhau nên không viết giấy tờ gì. Ông Tuấn, bà Châu không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, trong khi đó ông Nga, anh Khiêm không thừa nhận lời trình bày của bà Châu.

Đối với khoản vay 100.000.000 đồng vào ngày 26/01/2015 thì thời hạn trả nợ là ngày 26/01/2016, các đương sự đều thừa nhận đối với khoản vay này thì số tiền nợ gốc ông Tuấn, bà Châu chưa trả cho ông Nga. Nhưng đến ngày 18/5/2016, bà Châu lại tiếp tục ký giấy vay với số tiền 150.000.000 đồng trong khi số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng đã quá hạn nhưng chưa trả. Còn ông Nga xác định đối với khoản lãi của tổng số tiền vay 250.000.000 đồng với mức lãi suất 20%/năm thì ông Tuấn, bà Châu đã thanh toán xong khoản tiền lãi của năm 2016 với số tiền lãi là 20.000.000 đồng, lời trình bày của ông Nga là không phù hợp vì nếu mức lãi suất 20%/năm thì riêng khoản tiền nợ gốc 100.000.000 đồng thì lãi suất 1 năm cũng đã là 20.000.000 đồng, nên việc ông Nga xác định tổng số tiền nợ gốc 250.000.000 đồng đã thanh toán xong tiền lãi 20.000.000 đồng là không phù hợp. Như vậy, tính đến thời điểm 18/5/2016 thì ông Tuấn, bà Châu đã thanh toán xong khoản tiền lãi của năm 2016 đối với số nợ gốc 100.000.000 đồng. Do nợ gốc 100.000.000 đồng ông Tuấn, bà Châu chưa thanh toán nên mới tính lại nợ gốc và nợ lãi và viết lại giấy vay tiền mới 150.000.000 đồng nên lời khai của bị đơn bà Châu về mức lãi suất vay 3%/tháng là phù hợp với giấy vay tiền 150.000.000 đồng.

Bên cạnh đó, đối với khoản vay 100.000.000 đồng thì ông Tuấn, bà Châu có thế chấp cho ông Nga giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA062453, nhưng đối với khoản vay 150.000.000 đồng lớn hơn nhưng ông Tuấn, bà Châu không thế chấp tài sản nào khác để đảm bảo cho khoản vay này, giấy vay tiền lại không có chữ ký xác nhận của ông Tuấn. Đối với khoản vay 150.000.000 đồng thì tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA062453, trong khi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA062453 đã được thế chấp cho khoản vay 100.000.000 đồng. Do đó, có căn cứ xác định, trên thực tế không có khoản vay 150.000.000 đồng mà khoản vay 150.000.000 đồng được xuất phát từ khoản vay 100.000.000 đồng và lãi suất phát sinh. Nên việc ông Nga yêu cầu ông Tuấn, bà Châu trả số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 18/5/2016 là không có cơ sở để chấp nhận. Nên việc ông Nga khởi kiện buộc ông Tuấn, bà Châu phải trả số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận. Còn khoản vay 150.000.000 đồng là không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với khoản tiền lãi suất cho vay thì theo hai giấy vay tiền nêu trên đều không thể hiện rõ mức lãi suất cho vay. Tuy nhiên, hai bên đều xác định đây là khoản vay có tính lãi nhưng không thống nhất với lãi suất cho vay, cụ thể theo ông Tuấn, bà Châu thì lãi suất cho vay là 3%/tháng, còn ông Nga thì xác định lãi suất cho vay là 20%/năm.

Do hai khoản vay nêu trên đều được thực hiện vào năm 2015 và 2016 nên cần áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: "*Trong trường hợp các bên có thoả thuận về việc trả lãi, nhưng không xác*

định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ".

Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm. Do đó, cần áp dụng mức lãi suất tính trong trường hợp này là 9%/năm, nghĩa là tương ứng với 0,75%/tháng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ áp dụng mức lãi suất 0,65%/tháng là không đúng quy định của pháp luật.

Ông Nga và ông Tuấn, bà Châu xác định số tiền lãi ông Tuấn, bà Châu đã trả là 20.000.000 đồng. Ngoài ra, ông Nga xác định ông Tuấn, bà Châu đã trả cho ông tiền lãi từ ngày 26/01/2015 đến ngày 31/12/2016 nên chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 01/01/2017 đến ngày xét xử phúc thẩm.

Khoản tiền lãi từ ngày 01/01/2017 đến ngày xét xử phúc thẩm (28/4/2020) là 100.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 3 năm 3 tháng 27 ngày (tương ứng 1.214 ngày) = 30.350.000 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi là 100.000.000 đồng + 30.350.000 đồng = 130.350.000 đồng.

Với những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án về việc mua bán tài sản để không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Châu là có căn cứ. Còn đối với khoản tiền vay thì Tòa án cấp sơ thẩm nhận định phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhưng việc tính lãi lại không phù hợp với quy định của pháp luật nên cần sửa bản án sơ thẩm về số tiền nợ gốc và lãi suất.

Do đó, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nga, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng đã nhận định trên.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn ông Nga phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Nga.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông về việc "*Tranh chấp dân sự do vi phạm hợp đồng vay tài sản*" giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn Nga; bị đơn bà Hoàng Thị Minh Châu, ông Nguyễn Văn Tuấn, cụ thể như sau:

Căn cứ Điều 428, 438, 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Nga về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" với ông Nguyễn Văn Tuấn, bà Hoàng Thị Minh Châu.

Buộc ông Nguyễn Văn Tuấn, bà Hoàng Thị Minh Châu có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn Nga số tiền 130.350.000 đồng. Trong đó nợ gốc là 100.000.000 đồng. Nợ lãi là 30.350.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, theo quy định khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi khởi kiện của ông Nguyễn Văn Nga về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" với ông Nguyễn Văn Tuấn, bà Hoàng Thị Minh Châu về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Tuấn, bà Hoàng Thị Minh Châu có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn Nga số tiền 150.000.000 đồng.

3. Buộc ông Nguyễn Văn Nga phải trả lại cho ông Nguyễn Văn Tuấn, bà Hoàng Thị Minh Châu bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA062453 do Ủy ban nhân dân huyện Đam Rông cấp cho ông Nguyễn Văn Tuấn, bà Hoàng Thị Minh Châu vào ngày 12/4/2010 đối với diện tích đất 1.376m^2 thuộc thửa đất số 1003, tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại thôn Đạ K'Nàng, xã Đạ K'Nàng, huyện Đam Rông.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của bà Hoàng Thị Minh Châu về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*" với ông Nguyễn Văn Nga liên quan đến số tiền 174.000.000 đồng.

5. Về án phí dân sự (sơ thẩm và phúc thẩm):

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Tuấn, bà Hoàng Thị Minh Châu phải chịu 6.517.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nga được chấp nhận và 8.700.000 đồng đối yêu cầu phản tố của bà Châu không được chấp nhận. Tổng số tiền án phí dân sự ông Tuấn, bà Châu phải chịu là 15.217.500 đồng, được khấu trừ vào số tiền 4.350.000 đồng mà bà Châu đã tạm nộp theo biên lai thu số 0003741 ngày 25/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đam Rông. Ông Tuấn, bà Châu còn phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm còn thiếu là 10.867.500 đồng.

Buộc nguyên đơn ông Nguyễn Văn Nga phải chịu 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nga không được chấp nhận và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Tổng số tiền án phí dân sự ông Nga phải chịu là 7.800.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 6.550.000 đồng mà ông Nga đã tạm nộp theo các biên lai thu số 0003723 ngày 01/3/2019 và số 0003893 ngày 08/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đam Rông. Ông Nga còn phải nộp số tiền án phí dân sự còn thiếu là 1.250.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND huyện Đam Rông;
- Chi cục THADS huyện Đam Rông;
- Các đương sự (05);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Bùi Hữu Nhân